

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - KỲ KIỂM TRA: 14/6/2015

(Kèm theo quyết định số/QĐ-LTT ngày...../...../2015 về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
1	BK2030	12D2010003	Phạm Long An	29.09.93	Nghệ An	5.0	Trung bình
2	BK2031	12D2010007	Lê Tuấn Anh	13.06.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
3	BK2120	12D201M001	Vũ Tuấn Anh	15.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	8.0	Giỏi
4	BK2137	12D201P004	Võ Thanh Bá	24.04.94	Vĩnh Long	6.5	Trung bình
5	BK2017	12D2010010	Hồ Phước Ngọc Bảo	21.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
6	BK2032	12D2010012	Vũ Cao Bền	19.08.91	ĐăkLăk	5.0	Trung bình
7	BK2122	12D201M006	Trần Ái Châu	07.10.93	Tp.Hồ Chí Minh	7.5	Khá
8	BK2062	12D3010015	Lã Văn Công	20.05.93	Vĩnh Phúc	7.0	Khá
9	BK2123	12D201M008	Trần Đức Công	09.07.94	Đồng Nai	6.5	Trung bình
10	BK2063	12D3010018	Trần Viết Công	16.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
11	BK2088	11D0070001	Đỗ Văn Cường	05.02.93	Vĩnh Long	5.5	Trung bình
12	BK2018	12D2010014	Đồng Đăng Cường	05.11.94	Bắc Ninh	5.5	Trung bình
13	BK2002	12D2010029	Phạm Quang Đăng	02.02.94	Minh Hải	8.0	Giỏi
14	BK2148	12D2060011	Nguyễn Văn Danh	01.01.94	Quảng Nam	6.0	Trung bình
15	BK2138	12D201P014	Trịnh Xuân Đạo	12.07.90	Quảng Nam-Đà Nẵng	6.0	Trung bình
16	BK2045	12D301Đ038	Trần Văn Đạt	28.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
17	BK2001	12D2010041	Huỳnh Văn Đối	05.08.94	Quảng Ngãi	5.5	Trung bình
18	BK2107	12D2050017	Nguyễn Anh Đức	06.02.94	Nam Định	5.5	Trung bình
19	BK2113	12D2050018	Nguyễn Hữu Đức	09.10.92	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
20	BK2114	12D2050013	Phạm Anh Dũng	21.04.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
21	BK2047	12D301Đ029	Hồ Anh Duy	16.06.94	Tiền Giang	5.0	Trung bình
22	BK2048	12D301Đ034	Vũ Ngọc Duy	22.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
23	BK2079	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	22.04.94	Ninh Thuận	5.0	Trung bình
24	BK2115	12D2050020	Võ Minh	Giàu	12.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
25	BK2064	12D3010036	Lê Công	Guim	10.07.94	Thừa Thiên-Huế	5.5	Trung bình
26	BK2124	12D201M020	Nguyễn Vũ	Hải	01.01.94	Long An	6.0	Trung bình
27	BK2140	12D201P020	Lương Vĩ	Hào	19.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
28	BK2090	12D2060018	Nguyễn Văn	Hảo	19.09.92	Long An	5.0	Trung bình
29	BK2125	12D201M021	Huỳnh Văn	Hậu	05.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
30	BK2019	10D0020237	Phan Văn Xuân	Hậu	27.12.92	Bình Thuận	5.0	Trung bình
31	BK2034	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	27.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
32	BK2116	10D0030232	Cao Thế	Huân	07.03.92	Nam Định	5.5	Trung bình
33	BK2098	12D2060023	Phan Minh	Hùng	05.10.93	Bình Thuận	5.0	Trung bình
34	BK2108	12D2050033	Nguyễn Văn	Huynh	30.07.94	Đồng Nai	5.5	Trung bình
35	BK2109	12D2050036	Trần Đình Duy	Khương	16.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
36	BK2126	12D201M027	Nguyễn Đình	Lân	03.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
37	BK2110	12D2050040	Nguyễn Quang	Linh	20.05.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
38	BK2037	12D2010087	Trần Ngọc	Linh	17.06.93	Đồng Nai	6.0	Trung bình
39	BK2117	12D2050043	Lê Minh	Luân	31.08.94	Tây Ninh	6.5	Trung bình
40	BK2049	12D301Đ078	Lê Thành	Luân	04.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
41	BK2055	12D3010078	Nguyễn Chí Bình	Minh	17.12.91	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
42	BK2022	12D2010098	Nguyễn Công	Minh	21.07.94	Lâm Đồng	5.5	Trung bình
43	BK2004	12D2010100	Trần Hoài	Nam	02.08.94	Long An	5.5	Trung bình
44	BK2127	12D201M034	Trần Văn	Nam	21.05.93	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
45	BK2081	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy	Nga	20.04.94	Bình Định	5.5	Trung bình
46	BK2128	12D201M036	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	24.02.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
47	BK2056	12D3010082	Nguyễn Tiến	Ngọc	28.10.94	Tp.Hồ Chí Minh	7.0	Khá
48	BK2068	12D3010083	Nguyễn Văn	Nhạc	15.07.94	Bến Tre	5.5	Trung bình
49	BK2005	12D2010105	Lâm Học	Nhân	01.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
50	BK2129	12D201M039	Lý Tài	Nhân	15.10.94	Đồng Tháp	6.0	Trung bình
51	BK2070	12D3010091	Mong Hoàng	Phong	05.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
52	BK2130	12D201M045	Đình Hoàng	Phúc	07.02.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
53	BK2118	12D2050055	Đỗ Mạnh Phúc	17.07.94	Tây Ninh	6.5	Trung bình
54	BK2071	12D3010095	Nguyễn Hồng Phúc	30.04.92	Bến Tre	6.5	Trung bình
55	BK2057	12D3010094	Nguyễn Hồng Phúc	00.00.94	Tây Ninh	6.0	Trung bình
56	BK2072	12D3010100	Huỳnh Thanh Quan	28.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
57	BK2144	12D201P053	Trần Công Quan	29.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
58	BK2006	12D2010119	Nguyễn Thành Quân	16.08.94	Bình Thuận	5.8	Trung bình
59	BK2058	12D3010109	Võ Thanh Sang	18.10.94	Đồng Tháp	6.0	Trung bình
60	BK2051	12D301Đ115	Ong Dù Sén	19.11.94	An Giang	5.0	Trung bình
61	BK2073	12D3010111	Chí Ngọc Sơn	16.09.94	Bình Thuận	5.5	Trung bình
62	BK2040	12D2010134	Vi Văn Sức	26.01.93	Lạng Sơn	6.0	Trung bình
63	BK2100	12D2060063	Lê Nguyễn Đức Tài	11.04.94	An Giang	6.0	Trung bình
64	BK2010	12D2010139	Nguyễn Duy Tân	28.08.93	Tây Ninh	5.0	Trung bình
65	BK2111	12D2050062	Trần Văn Tân	05.03.93	Thừa Thiên-Huế	6.5	Trung bình
66	BK2132	12D201M056	Huỳnh Tây	10.03.94	Quảng Ngãi	5.5	Trung bình
67	BK2101	12D2060008	Bùi Vạn Thắng	02.07.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
68	BK2012	12D2010148	Hồ Đức Thắng	24.12.94	Bình Định	5.5	Trung bình
69	BK2082	12D2040024	Phạm Thị Thanh	20.11.92	Nam Hà	6.5	Trung bình
70	BK2013	12D2010157	Sử Hải Thanh	27.10.92	Đồng Nai	6.5	Trung bình
71	BK2112	12D2050066	Đỗ Nhật Thành	11.08.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
72	BK2083	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	27.08.94	Bình Thuận	5.5	Trung bình
73	BK2014	12D2010160	Nguyễn Văn Thảo	27.10.92	Bình Thuận	6.0	Trung bình
74	BK2146	12D201P064	Trần Ngọc Thanh Thảo	07.09.94	Minh Hải	7.0	Khá
75	BK2059	12D3010140	Lê Hoàng Thiện	06.07.94	Tiền Giang	5.5	Trung bình
76	BK2043	12D2010166	Nguyễn Chí Thinh	26.04.94	Bình Định	5.0	Trung bình
77	BK2119	12D2050072	Nguyễn Đức Thịnh	09.12.94	An Giang	7.0	Khá
78	BK2103	12D2060069	Thân Hải Thọ	21.10.89	Long An	6.0	Trung bình
79	BK2060	12D3010144	Mai Hoài Thư	23.09.94	Đồng Tháp	5.0	Trung bình
80	BK2084	12D2040027	Nguyễn Thị Kim Thy	10.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
81	BK2096	12D2060072	Nguyễn Đức Toàn	15.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
82	BK2086	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy Trang	25.07.92	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Trung bình	Xếp loại
83	BK2133	12D201M066	Lê Thái Điền Trí	03.01.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
84	BK2076	12D3010151	Nguyễn Trọng Trí	29.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình
85	BK2015	12D2010178	Nguyễn Quốc Trọng	29.11.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.0	Trung bình
86	BK2134	12D201M068	Lê Công Trung	13.10.94	Ninh Thuận	5.5	Trung bình
87	BK2151	12D2060083	Nguyễn Minh Trường	13.01.93	Đồng Nai	6.0	Trung bình
88	BK2135	12D201M069	Nguyễn Xuân Trường	04.07.94	Long An	6.5	Trung bình
89	BK2149	12D2010184	Nguyễn Đắc Truyền	18.05.1994	Quảng Ngãi	5.5	Trung bình
90	BK2078	12D3010163	Phạm Văn Truyền	27.05.94	Sóc Trăng	5.5	Trung bình
91	BK2054	12D301Đ162	Kim Thanh Tùng	01.11.94	Thừa Thiên-Huế	8.0	Giỏi
92	BK2087	12D2040031	Ngô Thị Ngọc Tuyết	14.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	5.5	Trung bình
93	BK2136	12D201M073	Huỳnh Lâm Quang Vinh	23.03.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.5	Trung bình
94	BK2061	12D3010174	Trần Văn Vinh	03.09.94	Tp.Hồ Chí Minh	6.0	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 94 học viên đạt

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201
HIỆU TRƯỞNG